

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.
2. Ông Hoàng Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Hoàng N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 71, ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Ngô Hữu H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021; bản tự khai ngày 05/5/2021 nguyên đơn là chị Hồ Thị Hoàng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Hữu H tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Hữu H.

- Về con chung: Chị và anh Ngô Hữu H có 03 con chung tên là Ngô Hoàng Kim A, sinh ngày 07/10/2014; Ngô Hoàng Kim P, sinh ngày 24/5/2016 và Ngô Hoàng Kim T, sinh ngày 03/11/2019. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu A, cháu P và cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Hữu H: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 147/2021/TB-TLVA ngày 25 tháng 3 năm 2021 cho anh H nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành Nêu yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Ngô Hữu H không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành Nêu yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh H không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung tên là Ngô Hoàng Kim A, sinh ngày 07/10/2014; Ngô Hoàng Kim P, sinh ngày 24/5/2016 và Ngô Hoàng Kim T, sinh ngày 03/11/2019. Hiện nay, các con chung do chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; các cháu đang phát triển bình thường, khỏe mạnh. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần của các con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hồ Thị Hoàng N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Ngô Hữu H hiện cư trú tại ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Hồ Thị Hoàng N yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Ngô Hữu H, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Hồ Thị Hoàng N là nguyên đơn; Anh Ngô Hữu H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hồ Thị Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ngô Hữu H đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị N và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N: Chị N xin ly hôn với lý do anh H không chăm lo làm ăn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Vì thế mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa nên vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau và chị N cũng không còn tình cảm với anh H. Qua thu

thập chứng cứ tại chính quyền địa Pthể hiện: Vợ chồng chị N và anh H thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị N, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị N và anh H thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh H không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh H đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung tên là Ngô Hoàng Kim A, sinh ngày 07/10/2014; Ngô Hoàng Kim P, sinh ngày 24/5/2016 và Ngô Hoàng Kim T, sinh ngày 03/11/2019. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa Pthể hiện 03 con chung đang do chị N nuôi dưỡng, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh, chị N có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Xét thấy việc giao 03 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo được việc phát triển bình thường của các con chung, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành Nền, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Hoàng N. Chị Hồ Thị Hoàng N được ly hôn với anh Ngô Hữu H.

2) Về con chung: Giao 03 con chung là Ngô Hoàng Kim A, sinh ngày 07/10/2014; Ngô Hoàng Kim P, sinh ngày 24/5/2016 và Ngô Hoàng Kim T, sinh ngày 03/11/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Ngô Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hồ Thị Hoàng N không yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành Nên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Hồ Thị Hoàng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0005822 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị N đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Hoàng N và anh Ngô Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hiệp, H.Xuân Lộc;
(GCNKH số 06, ngày 15/01/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

